TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **130**/2025/DS-ST
Ngày: 26 - 12 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Trần Hoàng Bảy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 236/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông D. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D: Ông D1 - Luật sư của Văn phòng luật sư D1 thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông V. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông D trình bày:* Vào ngày 24/4/2019, ông V có vay mượn của ông D 02 chỉ vàng 24K, hai bên có làm giấy tay mượn vàng và có ông X chứng kiến; hai bên có thỏa thuận về việc trả tiền lãi đối với số vàng vay, theo đó hàng tháng ông V trả lãi cho ông D là 500.000 đồng, ông V đã trả lãi cho ông D được 11 tháng với số tiền là 5.500.000 đồng. Khi vay ông V hứa khi nào ông D cần lấy lại vàng thì cho ông V hay trước 01 tháng thì ông V sẽ trả lại, nhưng khi ông D đến liên hệ nhiều lần để đòi lại vàng thì ông V chỉ hứa hẹn mà không trả. Sự việc tranh chấp giữa hai bên đã được Tổ hòa giải ấp A, xã B hòa giải nhưng không thành.

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2025, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V có nghĩa vụ trả cho ông D 02 chỉ vàng 24K tạm quy ra thành tiền theo giá

vàng tại thời điểm khởi kiện là 02 chỉ vàng 24K x 11.430.000 đồng/chỉ = 22.860.000 đồng (không yêu cầu tính lãi).

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V có nghĩa vụ trả cho ông D 02 chỉ vàng 24K quy ra thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm và khấu trừ số tiền lãi là 5.500.000 đồng mà ông V đã đóng là 02 chỉ vàng 24K x 13.800.000 đồng/chỉ - 5.500.000 đồng = 22.100.000 đồng (không yêu cầu tính lãi).

* *Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông V trình bày:* Ông V thừa nhận có vay mượn của ông D 02 chỉ vàng 24K vào ngày 24/4/2019; việc vay vàng theo giấy tay mượn vàng mà ông D đã cung cấp cho Tòa án là đúng nội dung và đúng chữ ký của ông V; hai bên có thỏa thuận về việc trả tiền lãi đối với số vàng vay, theo đó hàng tháng ông V trả lãi cho ông D là 500.000 đồng, ông V đã trả lãi cho ông D được 11 tháng với số tiền là 5.500.000 đồng. Khi giá vàng 24K là 3.500.000 đồng/chỉ thì ông V có liên hệ với ông D để trả trước 3.500.000 đồng tương đương với 01 chỉ vàng 24K cho ông D nhưng ông D không đồng ý nhận mà yêu cầu ông V phải trả đủ 02 chỉ vàng 24K thì ông D mới nhận. Nay ông V cũng đồng ý trả cho ông D 02 chỉ vàng 24K còn nợ nhưng chỉ đồng ý trả với số tiền là 10.00.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện của ông D đã được thay đổi tại phiên tòa như đã nêu trên; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D đã được thay đổi tại phiên tòa như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V trả cho ông D số vàng vay mượn còn nợ là 02 chỉ vàng 24K (không yêu cầu tính lãi); Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không có tiến hành thu thập chứng cứ và vụ án không thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Ông V là bị đơn, có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, thành phố Cần Thơ; Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu

vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[4] Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2025, ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V có nghĩa vụ trả cho ông D 02 chỉ vàng 24K tạm quy ra thành tiền theo giá vàng tại thời điểm khởi kiện là 02 chỉ vàng 24K x 11.430.000 đồng/chỉ = 22.860.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông D thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V có nghĩa vụ trả cho ông D 02 chỉ vàng 24K quy ra thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm và khấu trừ số tiền lãi là 5.500.000 đồng mà ông V đã đóng là 02 chỉ vàng 24K x 13.800.000 đồng/chỉ - 5.500.000 đồng = 22.100.000 đồng (không yêu cầu tính lãi). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của ông D chỉ nhằm xác định lại giá trị 02 chỉ vàng 24K tranh chấp theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm và tự nguyện khấu trừ số tiền lãi mà ông V đã đóng chứ không phải là đưa ra yêu cầu đối với tài sản nào khác, nên không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D và ông V thống nhất xác định giá vàng 24K tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 13.800.000 đồng/chỉ.

[6] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, ông D và ông V thống nhất thừa nhận vào ngày 24/4/2019 ông V có vay mượn của ông D 02 chỉ vàng 24K; ông V cũng đồng ý trả cho ông D toàn bộ số vàng này, hai bên chỉ không thống nhất về số tiền mà ông V phải trả cho ông D. Sự thừa nhận này của ông D và ông V là tình tiết, sự kiện mà các bên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc ông V nợ ông D số vàng vay mượn là 02 chỉ vàng 24K là sự thật, cho đến nay ông V chưa trả số vàng này cho ông D là vi phạm thỏa thuận về vay tài sản đã được xác lập giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, việc ông D yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông V có nghĩa vụ trả cho ông D số vàng vay mượn là 02 chỉ vàng 24K là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về việc ông V cho rằng khi giá vàng 24K là 3.500.000 đồng/chỉ thì ông V có liên hệ với ông D để trả trước 3.500.000 đồng tương đương với 01 chỉ vàng 24K cho ông D nhưng ông D không đồng ý nhận mà yêu cầu ông V phải trả đủ 02 chỉ vàng 24K thì ông D mới nhận chỉ là lời trình bày một phía của ông V chứ ông V không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh và ông D cũng không thừa nhận có việc này. Theo quy định của pháp luật, khi hai bên giao kết hợp đồng vay tài sản có đối tượng là vàng thì bên vay phải trả vàng cho bên cho vay theo đúng chủng loại, số lượng và chất lượng số vàng đã vay, nếu bên cho vay đồng ý cho bên vay được trả bằng tiền thì bên vay cũng phải trả bằng số tiền tương đương giá trị số vàng đã vay được quy đổi theo giá vàng tại thời điểm trả nợ chứ không phải theo giá vàng tại thời điểm vay, nhằm bảo toàn giá trị tài sản cho bên cho vay; trường hợp hai bên phát sinh tranh chấp tại Tòa án thì số vàng phải thanh toán được quy đổi theo giá vàng tại thời điểm Tòa án giải quyết tranh chấp (thời điểm các bên hòa giải thành

hoặc thời điểm xét xử sơ thẩm). Vì vậy, việc ông V chỉ đồng ý trả cho ông D 02 chỉ vàng 24K với số tiền là 10.00.000 đồng là không có cơ sở; việc ông D yêu cầu ông V trả cho ông D 02 chỉ vàng 24K bằng tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là có cơ sở. Tuy nhiên, ông D đồng ý khấu trừ số tiền lãi là 5.500.000 đồng mà ông V đã đóng cho ông D vào số tiền ông V phải trả cho ông D nên chỉ yêu cầu ông V phải trả 02 chỉ vàng 24K x 13.800.000 đồng/chỉ - 5.500.000 đồng = 22.100.000 đồng, đây là sự tự nguyện của ông D và có lợi cho ông V, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc tính lãi đối với số vàng vay mượn còn nợ 02 chỉ vàng 24K, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về vấn đề tiền lãi.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, giải quyết buộc ông V phải có nghĩa vụ trả cho ông D số vàng vay mượn còn nợ 02 chỉ vàng 24K quy ra thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm (có khấu trừ số tiền lãi là 5.500.000 đồng mà ông V đã đóng cho ông D) là 22.100.000 đồng.

[10] Đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông D tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm: Ông D không phải chịu án phí sơ thẩm; ông V phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền là 22.100.000 đồng x 5% = 1.105.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Căn cứ vào các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu ông V trả cho ông D số vàng vay mượn còn nợ.

Buộc ông V phải có nghĩa vụ trả cho ông D số vàng vay mượn còn nợ là 02 chỉ vàng 24K quy ra thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 26/12/2025 (có khấu trừ số tiền lãi là 5.500.000 đồng mà ông V đã đóng cho ông D) là 22.100.000 đồng (*Hai mươi hai triệu một trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông D đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng ông V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Ông D không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông D đã nộp là 600.000 đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005428, ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Ông V phải chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 1.105.000 đồng (*Một triệu một trăm lẻ năm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Ông D và ông V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- VKSND KV10-CT (01);
- THADS thành phố Cần Thơ (01);
- TAND thành phố Cần Thơ (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt